

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - CẦN THƠ**
Bản án số: 94/2025/DS-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 24/9/2025
Về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Việt;
2. Ông Nguyễn Thanh Rực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H; địa chỉ: Số nhà A B, đường N, Phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây gọi là Ngân hàng);

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lý Đức H, sinh năm 2000; là Chuyên viên Quan hệ khách hàng cá nhân, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H - Chi nhánh S, Phòng G; địa chỉ: Số nhà B Quốc lộ N, ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ (Giấy ủy quyền số 203/2025/UQ-PGDTĐ ngày 27/8/2025 của Giám đốc Phòng G).

2. *Bị đơn:* Ông Trương Nhựt M, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Tú N, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Ấp G, xã L, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H cũng như người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là anh Lý Đức H trình bày:

Ngày 14/10/2022, vợ chồng ông Trương Nhựt M - bà Nguyễn Thị Tú N với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H - Chi nhánh S, Phòng G

có xác lập Hợp đồng tín dụng số 38783/22MN/HĐTD. Theo Hợp đồng và Khế ước nhận nợ, Ngân hàng cho ông M với bà N vay số tiền 500.000.000 đồng; mục đích vay để đầu tư sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay là 120 tháng; lãi suất trong hạn 11,2%/năm và có thể được điều chỉnh theo từng thời kỳ.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay theo Hợp đồng trên, ông M và bà N với Ngân hàng ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 33215/22/MN/HĐBĐ ngày 14/10/2022; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa 438, tờ bản đồ số 2 tại ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp N, xã L, thành phố Cần Thơ); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 269052 (Số vào sổ: CS02252), được Sở T2 (Cũ) cấp ngày 19/07/2022 cho ông M và bà N.

Thực hiện Hợp đồng vay, Ngân hàng đã giải ngân và bên vay đã nhận đủ tiền nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 24/9/2025, ông M - bà N còn nợ Ngân hàng số tiền 568.376.887 đồng (Năm trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn tám trăm tám mươi bảy đồng); trong đó, nợ gốc là 450.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 102.427.397 đồng và lãi quá hạn là 15.949.490 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông M - bà N thanh toán số nợ nêu trên; đồng thời, phải tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 25/9/2025 theo Hợp đồng đến khi hoàn thành trả nợ. Trường hợp ông M - bà N không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ theo pháp luật quy định.

Tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng G1 là: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của Ngân hàng; Giấy ủy quyền của Giám đốc Phòng G, ủy quyền cho anh T Bửu Tân với anh Nguyễn Văn T1 và anh Lý Đức H tham gia tố tụng kèm bản sao Căn cước công dân của người ủy quyền, người nhận ủy quyền; bản sao Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp kèm Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản; bản photocopy Phiếu chiết tính thu nợ vay và Căn cước công dân của ông M, bà N; Đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Đối với bị đơn là ông Trương Nhật M và bà Nguyễn Thị Tú N:

Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông M với bà N không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình.

Các bị đơn còn vắng mặt không có lý do trong những phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cho ông M, bà N theo

quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tại Thông báo đã thể hiện rõ về tài liệu, chứng cứ, số tiền nợ đến ngày 21/8/2025 là 562.211.579 đồng (Năm trăm sáu mươi hai triệu hai trăm mười một ngàn năm trăm bảy mươi chín đồng). Phiên tòa ngày 15/9/2025, phía bị đơn vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- *Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập gồm:* Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; đã ra Quyết định yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T (Cũ) cung cấp tài liệu, chứng cứ là hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định những nội dung liên quan khác. Đương sự không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ nêu quan điểm:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng là các bị đơn chưa chấp hành triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông M với bà N thanh toán số tiền vốn và lãi theo Hợp đồng vay đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông M, bà N không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu ông M với bà N thanh toán tiền vốn vay và lãi theo Hợp đồng; bị đơn vay tiền sử dụng để chăn nuôi nên đây là giao dịch về dân sự, thuộc trường hợp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông M, bà N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt ông M, bà N.

[2] Về nội dung giải quyết.

- Căn cứ bản sao Căn cước công dân của ông M, bà N; bản sao Hợp đồng thế chấp kèm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp; bản sao Hợp đồng tín dụng, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ cũng như việc không phản đối của bị đơn về nội dung các hợp đồng; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; có cơ sở kết luận ngày 14/10/2022, ông M và bà N đã giao kết Hợp đồng với H1 vay 500.000.000 đồng cho mục đích chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp. Để bảo đảm nghĩa vụ trả tiền vay, ông M và bà N còn ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do chính ông M cùng bà N đứng tên với Ngân hàng theo thủ tục chung.

- Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thì quyền sử dụng đất được bị đơn thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm và hiện trạng:

+ H: Giáp nương thủy lợi dẫn nước ra công Cách ly, được ngăn cách bằng bờ đất lớn và số lượng rất nhiều cây Dừa nước.

+ Hướng Tây: Giáp thửa 430, được ngăn cách bởi bờ đất rộng, có cặm trụ bê tông tại hai đầu bờ.

+ Hướng N1: Giáp thửa 436, ranh giới là bờ đất rộng, có cặm trụ bê tông tại hai đầu bờ.

+ Hướng B: Giáp thửa 527, ranh giới là bờ đất rộng, có cặm trụ bê tông tại hai đầu bờ.

Toàn bộ bờ đất tại các cạnh đều đã được hình thành từ rất lâu, các hộ sử dụng đất liền kề cùng sử dụng ổn định; đương sự và đại diện Ủy ban nhân dân xã L tham gia thẩm định tại chỗ cùng khẳng định không có bất cứ tranh chấp gì với người nào khác. Toàn bộ quyền sử dụng đất nằm trọn vẹn trong thửa 438, tờ bản đồ số 02 tại ấp N, xã L, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông M, bà N.

Hiện trạng thửa đất được cải tạo, phân chia thành 02 ao nuôi thủy sản. Tuy nhiên, tại thời điểm thẩm định thì cả 02 ao đều chỉ có cỏ với rong rêu mọc tự nhiên, không đầu tư chăn nuôi công nghiệp, không có trang thiết bị nuôi thủy sản; chỉ có 02 chòi lá nhỏ nhưng không có người ở, bản thân ông M từ hơn một năm chưa tới thửa đất, ông M trình bày giao cho người khác trông coi nhưng vắng mặt tại thời điểm thẩm định.

Các đương sự khẳng định không có bất cứ giao dịch gì khác liên quan đến thửa đất, không có người nào liên quan ngoài ông M với bà N.

- Căn cứ Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã được thông báo kết quả cho phía bị đơn, thì: Bị đơn không phản đối các tài liệu, chứng cứ được công bố; không bổ sung tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Xét Hợp đồng tín dụng đang tranh chấp, thì thấy:

Theo Điều 5 và Điều 61 Điều lệ của Ngân hàng, có nội dung quy định Phòng Giao dịch của Ngân hàng được cho vay và các hoạt động khác phù hợp với Điều 49 của Luật Các tổ chức tín dụng; về phía bị đơn là ông M với bà N không thuộc trường hợp quy định tại các điều 22, 23 và 24 của Bộ luật dân sự; vì vậy, Giám đốc H1 ký kết Hợp đồng trên với bị đơn là đảm bảo điều kiện chủ thể quy định tại Điều 16, Điều 19 và Điều 86 của Bộ luật dân sự. Các đương sự đều thừa nhận và/hoặc không phản đối sự kiện đã giao kết Hợp đồng, cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện. Mục đích sử dụng tiền vay để chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng. Ngoài ra, Hợp đồng còn chứa đựng đầy đủ những điều khoản cơ bản về số tiền vay, lãi suất (Có điều chỉnh), thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117, Khoản 5 Điều 466, Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, giữa nguyên đơn với bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng vay tài sản hợp pháp, bắt buộc các bên phải thi hành.

Tính đến ngày 24/9/2025, ông M với bà N còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng ngày 14/10/2022 số tiền vốn là 450.000.000 đồng và lãi trong hạn là 102.427.397 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.949.490 đồng. Tổng cộng, nợ vốn vay và tiền lãi theo Hợp đồng là 568.376.887 đồng (Năm trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn tám trăm tám mươi bảy đồng).

Như vậy, ông M và bà N đã vi phạm Khoản 3 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng cùng hạn trả nợ tại Khế ước nhận nợ kèm theo nên bị đơn đã hoàn toàn có lỗi, phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Ông Trương Nhựt M, bà Nguyễn Thị Tú N không phản đối về vi phạm nghĩa vụ thanh toán cũng như toàn bộ số tiền còn nợ đến ngày 21/8/2025 đã được thông báo; nguyên đơn tính lãi đúng Hợp đồng và không có vấn đề trở ngại khách quan nên ông M, bà N phải thanh toán số tiền trên; đồng thời, phải trả tiền lãi phát sinh tương ứng theo Hợp đồng từ ngày 25/9/2025 đến khi trả hết nợ vay và nghĩa vụ khác.

Xét Hợp đồng thế chấp để bảo đảm trả nợ vay, thì thấy:

Tương tự như việc ký kết Hợp đồng tín dụng, mỗi bên tham gia có đủ điều kiện về chủ thể, hoàn toàn tự nguyện, mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, không có đương sự nào phản đối, khiếu nại. Do đó, Hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

Cho nên, trường hợp ông M và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, là thực hiện đúng Hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể, ông Trương Nhựt M với bà Nguyễn Thị Tú N phải liên đới chịu tiền án phí là $20.000.000 \text{ đồng} + (168.376.887 \text{ đồng} \times 4\%) = 26.735.075 \text{ đồng}$ (Hai mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng).

[4] Về chi phí tố tụng.

Theo Phiếu thu và chi của Tòa án thì chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng và thanh toán xong. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ quy định tại Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước nên ông M, bà N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ là có căn cứ pháp lý, có cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên. Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 463, Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H đối với bị đơn Trương Nhựt M và Nguyễn Thị Tú N, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Hợp đồng tín dụng được ký ngày 14/10/2022, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H - Chi nhánh S, Phòng G với ông Trương Nhựt M và bà Nguyễn Thị Tú N.

Buộc ông M với bà N có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Ngân hàng số tiền là 568.376.887 đồng (Năm trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn tám trăm tám mươi bảy đồng). Ngoài ra, ông M với bà N phải trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng kể từ ngày 25/9/2025 đến khi trả hết nợ vay. Nếu Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và thông báo cho bên vay, lãi suất mà bên vay phải trả cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp ông M với bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 14/10/2022 được công chứng cùng ngày tại Văn phòng C, để thu hồi nợ. Ông M, bà N và người liên quan khác (Nếu có sau ngày 19/8/2025) có nghĩa vụ giao tài sản theo Hợp đồng thế chấp để thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông M, bà N phải liên đới chịu số tiền là 26.735.075 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.025.330 đồng, theo Biên lai thu số 0007129 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề (Nay là Phòng THADS Khu vực 9 - Cần Thơ).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trương Nhựt M và bà Nguyễn Thị Tú N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả Ngân hàng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

4. Ngân hàng có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; riêng ông Trương Nhựt M, bà Nguyễn Thị Tú N có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ; đề yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9 - Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Lưu HSVA, VT.

